GIALAI CTC
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC
Địa chỉ: 18 Lê Lai, P. Tây Sơn, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Qúi 2 Năm 2017

(Báo cáo tài chính tổng hợp)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Năm tài chính 2017

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC
Ký ngày: 31/7/2017 10:19:29
Scanned by CamScanner

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính quý II cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 30/06/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Du lịch Gia Lai) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Văn hóa – Du lịch Gia Lai theo Quyết định số 1506/QĐ-CT ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900230301 ngày 24/04/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (đây là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 và thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000047 ngày 28/12/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-TTGDHN ngày 08/07/2008 với mã chứng khoán là CTC và chính thức giao dịch từ ngày 18/07/2008.

Vốn điều lệ:	87.999.260.000 đồng.
Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2017:	87.999.260.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 18 Lê Lai, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059. 3824332
- Fax: (84) 059. 3824259
- Website: www.gialaictc.com.vn

Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại TP Hồ Chí Minh (giải thể từ ngày 01/03/2014 theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT/CTC ngày 27/02/2014 của Hội đồng quản trị)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Phú Yên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Bình Định
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Quảng Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Thanh Hóa (đã chấm dứt hoạt động từ ngày 15/04/2013 theo Nghị quyết số 02/NQHĐQT/CTC ngày 11/04/2013 của Hội đồng quản trị)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Nghệ An (đã chấm dứt hoạt động từ ngày 31/12/2013 theo Nghị quyết số 05/NQHĐQT ngày 02/12/2013 của Hội đồng quản trị)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Bình Thuận (giải thể từ ngày 12/03/2014 theo Nghị quyết số 02/NQHĐQT ngày 12/03/2014 của Hội đồng quản trị)

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Gia Lai
  - Địa chỉ: 18 Lê Lai, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tỷ lệ vốn góp : 27,8%

Ngành nghề kinh doanh chính

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Mua bán phim ảnh và băng hình; Mua bán quà lưu niệm;
- Dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ karaoke;
- Quảng cáo;
- Mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Dịch vụ tắm hơi, massage;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, dày dép;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Chăn nuôi khác;
- Cho thuê mặt bằng kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cở sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; Kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh;
- Mua bán đồ chơi trẻ em;
- Bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh;
- Phát hành xuất bản phẩm;
- Mua bán hàng công nghệ phẩm;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Kinh doanh lữ hành nội địa.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 295 người, trong đó cán bộ quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/10/2016
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12/10/2016
	Phó Chủ Tịch	Bổ nhiệm ngày 23/05/2016
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/05/2016
Ông Trần Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/10/2016
	Chủ Tịch	Miễn nhiệm ngày 12/10/2016
	Chủ Tịch	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2016
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2016
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09/06/2017
Ông Đinh Vạn Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Nguyễn Trần Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/08/2016
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19/08/2016
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/07/2016
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/07/2016
Ông Lưu Thành Xương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/08/2016
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/08/2016
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Hoàng Trung Hiếu	Thành viên	
Ông Đặng Văn Chính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2017
Ông Đỗ Đức Tuấn	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2017
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Nguyễn Hoài Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2016
Ông Phạm Tấn Thức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/05/2016
Ông Đặng Thanh Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Ông Đặng Thanh Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/07/2016
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 14/07/2016
Ông Nguyễn Trần Hanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 14/07/2016
Ông Hoàng Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 14/07/2016
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/07/2016

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Bà Nguyễn Thị Triều Ninh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02/10/2016
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2016
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/10/2016
Ông Nguyễn Hoài Trung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 02/10/2016
		Bổ nhiệm ngày 20/05/2016
Ông Mai Văn Huấn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/05/2016
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2017

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bà Trần Thị Ánh Tuyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
Bà Trần Thị Ánh Tuyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 0906/2017
Bà Lê Thị Hồng Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2017
Ông Nguyễn Thanh Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2016

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất các chi nhánh

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.
- Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và tại ngày lập báo cáo tài chính quí II năm 2017 Ban điều hành và kế toán trưởng được bổ nhiệm trong năm 2016 chưa nhận được sự bàn giao nào về số liệu tài chính cũng như tài sản của công ty từ Ban điều hành và kế toán trưởng đã miễn nhiệm trong năm 2016,mặc dù Ban điều hành hiện tại đã gửi thư mời rất nhiều lần đồng thời báo cáo Hội đồng quản trị cũng như đã được nêu trong phần giải trình chênh lệch lợi nhuận và báo cáo thường niên.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày28 tháng 07 năm 2017

Scanned by CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: 18 Lê Lai, P. Tây Sơn, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Mẫu số: B 01_DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (Tại ngày 30/06/2017)	Số đầu năm (Tại ngày 01/01/2017)
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**81,331,187,247**	**75,663,253,766**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**1,312,400,693**	**1,143,356,661**
1. Tiền	111	V.1	1,312,400,693	1,143,356,661
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**100,000,000**	**100,000,000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100,000,000	100,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**45,810,849,155**	**41,626,099,811**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		17,122,126,159	17,027,564,537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10,659,279,424	10,192,065,924
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.2	9,180,205,583	5,587,231,361
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4,957,627,369)	(4,957,627,369)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		13,806,865,358	13,776,865,358
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.3	**32,737,721,894**	**31,338,974,822**
1. Hàng tồn kho	141		32,737,721,894	31,338,974,822
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1,370,215,505**	**1,454,822,472**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	1,040,819,480	515,928,403
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,236,909	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.5	327,159,116	938,894,069
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			

Scanned by CamScanner

1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**189,290,996,683**	**193,008,482,796**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		618,850,285	618,850,285
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		127,000,000	127,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.2	491,850,285	491,850,285
3. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II.Tài sản cố định	**220**		**157,549,993,887**	**160,928,931,001**
1. Tài sản cố định hữu hình	**221**	V.7	**155,818,614,853**	**159,285,490,013**
- Nguyên giá	222		208,062,922,500	207,974,186,700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52,244,307,647)	(48,688,696,687)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	**224**		-	-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	**227**	V.8	1,731,379,034	**1,643,440,988**
- Nguyên giá	228		2,097,289,637	1,961,289,637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(365,910,603)	(317,848,649)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.9	**2,634,793,138**	**2,349,033,092**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,634,793,138	2,349,033,092
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.10	**23,521,039,792**	**23,521,039,792**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23,521,039,792	23,521,039,792
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**	V.11	**4,966,319,581**	**5,590,628,626**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4,966,319,581	5,590,628,626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**270,622,183,930**	**268,671,736,562**

NGUỒN VỐN				

Scanned by CamScanner

1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**177,054,752,003**	**181,246,571,874**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**126,101,005,367**	**139,998,173,950**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		27,091,766,255	25,787,502,303
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,328,110,465	1,151,337,333
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	1,136,378,665	864,856,229
4. Phải trả người lao động	314		1,008,133,818	1,279,782,322
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		634,753,058	993,873,095
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			100,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7,882,536,080	11,396,848,623
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	87,018,255,266	98,287,902,285
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1,071,760	136,071,760
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324			-
II. Nợ dài hạn	**330**		**50,953,746,636**	**41,248,397,924**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			2,352,090,909
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	50,953,746,636	38,896,307,015
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-

D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	V.19	**93,567,431,927**	**87,425,164,688**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**93,567,431,927**	**87,425,164,688**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		87,999,260,000	87,999,260,000

Scanned by CamScanner

GIALAI CTC

1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		87,999,260,000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,056,845,000	3,056,845,000
3. Quyền chọn sửa đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,231,385,893	3,371,385,893
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		**(720,058,966)**	**(7,002,326,205)**
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2,327,363,205)	2,332,497,717
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,607,304,239	(9,334,823,922)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		0	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		0	-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**270,622,183,930**	**268,671,736,562**

Người lập	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Võ Thị Thu Thủy	Trần Hà Giang	Đặng Thanh Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Gia Lai, ngày tháng năm 2017

Scanned by CamScanner

GIALAI CTC

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC
Địa chỉ: 18 Lê Lai, P. Tây Sơn, Tp. Pleiku, tỉnh

Mẫu số : B02 _DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

Quí II năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2017	Quý II/2016	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		36,315,849,509	34,483,211,493	71,867,670,057	63,459,338,143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36,315,849,509	34,483,211,493	71,867,670,057	63,459,338,143
4. Giá vốn hàng bán	11		26,379,280,587	26,837,148,507	54,005,089,850	46,990,178,059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**9,936,568,922**	**7,646,062,986**	**17,862,580,207**	**16,469,160,084**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,740,918,705	94,290,682	2,745,328,686	97,683,519
7. Chi phí tài chính	22		2,272,321,760	2,939,459,401	4,999,112,862	5,775,448,498
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*2,272,321,760*	*2,939,459,401*	*4,999,112,862*	*5,778,448,498*
8. Chi phí bán hàng	24		6,059,802,687	3,225,475,380	9,765,390,305	5,907,863,896
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,726,789,215	6,660,031,559	4,285,843,054	7,814,753,650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**618,573,965**	**(5,084,612,672)**	**1,557,562,672**	**(2,931,222,441)**
11. Thu nhập khác	31		24,289,537	2,357,321	94,933,761	7,933,695
12. Chi phí khác	32		23,206,065	35,055,325	45,192,194	128,610,248
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1,083,472**	**(32,698,004)**	**49,741,567**	**(120,676,553)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**619,657,437**	**(5,117,310,676)**	**1,607,304,239**	**(3,051,898,994)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**619,657,437**	**(5,117,310,676)**	**1,607,304,239**	**(3,051,898,994)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Võ Thị Thu Thủy	Trần Hà Giang	Đặng Thanh Toàn

MSDN 5900230301 - CTC CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Gia Lai, ngày tháng năm 2017

Cac thuyết minh kèm theo Từ trang đến trang là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Scanned by CamScanner

GIALAI CTC

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: 18 Lê Lai, P. Tây Sơn, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Mẫu số : B03 _DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			2017	2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		89,200,902,644	77,820,051,578
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(77,521,257,210)	(59,018,536,066)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7,455,213,592)	(3,488,769,580)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4,623,000,878)	(5,571,882,218)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(1,046,395,130)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		862,049,321	2,318,226,369
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(854,260,178)	(2,030,102,186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(390,779,893)**	**8,982,592,767**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1,778,202,784)	(6,204,559,780)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			200,000,000
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,984,107	6,774,428
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1,774,218,677)**	**(5,997,785,352)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2.Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		73,414,363,505	66,082,143,404
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(71,090,320,903)	(70,447,610,619)
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(864,778,550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**2,324,042,602**	**(5,230,245,765)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**159,044,032**	**(2,245,438,350)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,143,356,661	6,459,352,840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**1,302,400,693**	**4,213,914,490**

Người lập	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Võ Thị Thu Thủy	Trần Hà Giang	Đặng Thanh Toàn

MSDN 5900230301 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC TP. PLEIKU - T. GIA LAI

Gia Lai, ngày tháng năm 2017

Cac thuyết minh kèm theo Từ trang đến trang là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Du lịch Gia Lai) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Văn hóa – Du lịch Gia Lai theo Quyết định số 1506/QĐ-CT ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900230301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 08 năm 2016.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-TTGDHN ngày 08/07/2008 với mã chứng khoán là CTC và chính thức giao dịch từ ngày 18/07/2008.

Trụ sở chính của công ty: số 18 đường Lê Lai, P. Tây Sơn, Thành phố PLeiKu, Tỉnh Gia Lai

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Mua bán phim ảnh và băng hình; Mua bán quà lưu niệm;
- Dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ Karaoke;
- Quảng cáo;
- Mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải khách bằng taxi;
- Dịch vụ tắm hơi, massage;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, dày dép;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Chăn nuôi khác;
- Cho thuê mặt bằng kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cở sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; Kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh;
- Mua bán đồ chơi trẻ em;
- Bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh;

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Mua bán hàng công nghệ phẩm;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Kinh doanh lữ hành nội địa.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dung trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dung trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 30
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 20

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2013 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có được quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm kế toán	08 - 10
Phần mềm bán hàng Công ty	08 - 10

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng
  - ➢ Đối với hoạt động cho thuê phòng, karaoke, ăn uống, văn phòng phẩm, hàng tiêu dùng: Áp dụng mức thuế suất 10%.
  - ➢ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng mức thuế suất 5%.
  - ➢ Đối với hoạt động bán sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa, sách chính trị, pháp luật: Không thuộc đối tượng chịu thuế.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Đối với dịch vụ karaoke áp dụng mức thuế suất 30%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ, ký cược.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	147.910.563	339.879.743
Tiền gửi ngân hang	1.164.490.130	749.476.918
Cộng	**1.312.400.693**	**1.143.356.661**

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a/ Ngắn hạn	**9.180.205.583**	**5.587.231.361**
Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT	683.462.176	1.081.752.741
Công ty CP Giáo Dục và PT NNL Châu Á Thái Bình Dương		1.289.920.000
Phải thu các đối tượng nhận giao khoán chi hộ		1.220.708.074
Phải thu tạm ứng	384.546.838	358.757.831
Phải thu tiền thuế TNCN cho CBCNV	162.840.280	153.220.172
Phải thu khác	7.949.356.289	1.558.452.813
b/ Dài hạn:	**491.850.285**	**491.850.285**
Ký cược ký quỹ	491.850.285	491.850.285

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Hàng tồn kho

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí SX kinh doanh dở dang		
Nguyên liệu. vật liệu	89.056.036	93.566.563
Hàng hóa	32.648.665.858	31.245.408.259
Hàng ký gửi		
Cộng	**32.737.721.894**	**31.338.974.822**

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí bảo hiểm	60.389.085	92.682.098
Chi phí CCDC chờ phân bổ	676.532.662	279.652.342
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	303.897.733	143.593.963
Cộng	**1.040.819.480**	515.928.403

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế TNDN	194.090.944	194.090.944
Thuế thu nhập cá nhân	48.572.317	40.514.348
Thuế khác	84.495.855	704.288.777
Cộng	**327.159.116**	**938.894.069**

6. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P,tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	171.670.407.574	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.267.798.273	207.974.186.700
Tăng trong kỳ					88.735.800	88.735.800
Đ/tư XDCB HT						
Giảm trong kỳ						
Số cuối kỳ	171.670.407.574	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	208.062.922.500
Khấu hao						
Số đầu năm	33.095.797.499	13.427.910.276	453.016.304	396.453.807	1.315.518.801	48.688.696.687
Tăng trong kỳ	2.392.691.078	874.660.866	86.613.636	22.640.844	179.004.536	3.555.610.960
Giảm trong kỳ						
Số cuối năm	35.488.488.577	14.302.571.142	539.629.940	419.094.651	1.494.523.337	52.244.307.647
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	138.574.610.075	16.066.030.588	2.367.439.395	325.130.483	1.952.279.472	159.285.490.013
Số cuối kỳ	136.181.918.997	15.191.369.722	2.280.825.759	302.489.639	1.862.010.736	155.818.614.853

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.236.198.137	725.091.500	1.961.289.637
Tăng trong kỳ	-	136.000.000	136.000.000
Giảm trong kỳ			
Thanh lý, nh.bán	-		
Số cuối kỳ	1.236.198.137	861.091.500	2.097.289.637
Khấu hao			
Số đầu kỳ		317.848.649	317.848.649
Tăng trong kỳ		48.061.954	48.061.954
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	-	365.910.603	365.910.603
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	1.236.198.137	407.242.851	1.643.440.988
Số cuối kỳ	1.236.198.137	495.180.897	1.731.379.034

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình Công viên Đồng Xanh	2.030.000.857	1.856.397.175
Công trình Nhà hàng - Khách sạn Tre Xanh (giai đoạn I & II)		
Công trình KSTre xanh	111.856.364	-
Công trình khác	492.635.917	492.635.917
Cộng	**2.634.793.138**	**2.349.033.092**

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng Cổ phiếu	30/06/2017 VND	Số lượng Cổ phiếu	01/01/2017 VND
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty CP Lữ Hành Gia Lai Xanh				
Đầu tư vào công ty liên kết		**23.521.039.792**		**23.521.039.792**
- Công ty Cổ phần Gia Lai CTC Nghệ An				
- Công ty CP Quỳnh Châu		*6.000.000.000*		*6.000.000.000*
- Công ty CP Dịch vụ Du lịch Gia Lai (*)		*17.521.039.792*		*17.521.039.792*
Cộng		**23.521.039.792**		**23.521.039.792**

(*) Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQHĐQT ngày 03/05/2016 của Công ty về việc không đồng ý mua số cổ phần được quyền mua thêm 404.630 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2016 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Gia Lai (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai). Do vậy, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai giảm từ 40,46% xuống còn 27,8%.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí bảo hiểm		
Chi phí CCDC chờ phân bổ	1.826.371.994	2.267.076.041
Chi phí bảo dưỡng TS	2.690.255.535	2.784.520.160
CHi phí chờ phân bổ khác	449.692.052	539.032.425
Cộng	**4.966.319.581**	**5.590.628.626**

12. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Vay ngắn hạn Ngân hang	**84.116.105.266**	**81.226.562.664**
+ CN Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Tỉnh Gia Lai	49.121.722.967	46.230.724.201
+ CN Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Gia Lai	34.994.382.299	34.995.838.463
Vay cá nhân	**300.000.000**	**300.000.000**
+ Vay cá nhân Đinh Thị Liên	300.000.000	300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.602.150.000	16.761.339.621
Cộng	**87.018.255.266**	***98.287.902.285***

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.127.465.713	855.943.277
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.912.952	8.912.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế nhà đất		
Cộng	**1.136.378.665**	**864.856.229**

15. Chi phí phải trả

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trích trước chi phí lãi vay	634.753.058	404.807.158
Trích trước chi phí NVL		589.065.937
	634.753.058	**993.873.095**

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả BHXH,BHTN,KPCĐ	9.890.010	124.092.937
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.771.268.355	1.085.000.000
Chênh lệch hàng hóa PM bán hàng và PM kế toán	2.910.512.930	2.910.512.930
Phải trả - mượn tiền	545.000.000	545.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	144.659.250	4.544.622.250
Phải trả tiền mượn các bên nhận giao khoán	257.202.203	257.202.203
Phải trả tiền lãi vay	13.602.178	**752.718.446**
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Gia Lai		*739.116.268*
- Công ty Cổ phần Lữ hành Gia Lai Xanh	*13.602.178*	*13.602.178*
-Phải trả, phải nộp khác	*1.230.401.154*	*1.177.699.860*
	7.882.536.080	**11.396.848.626**

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Phải trả dài hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ký cược ký quỹ dài hạn		
Cộng		

18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Vay dài hạn	**39.136.043.241**	**26.746.103.620**
+ CN Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai	6.530.377.000	4.530.377.000
+ CN Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Gia Lai	23.858.326.620	22.215.726.620
+ Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Gia Lai(*)	8.747.339.621	
b. Vay cá nhân	**11.817.703.395**	**12.150.203.395**
+ Vay cá nhân	11.817.703.395	12.150.203.395
Tổng Cộng	**50.953.746.636**	**38.896.307.015**

(*) Vay của Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai theo Hợp đồng vay vốn số 14/HĐKT ngày 01/12/2014; Hợp đồng vay vốn này đến thời điểm hiện tại công ty chưa tìm thấy nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo Điều lệ của Công ty.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Ngày tháng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất
I. CN NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH GIA LAI				
01/2015/HĐ	06/02/15	Nhà sách KBang	60 tháng	Thỏa thuận
01/2009/HD	08/10/09	Nhà sách Ayunpa	84 tháng	Thỏa thuận
01/2010/HD	01/06/10	Nhà sách Đông Gia Lai	84 tháng	Thỏa thuận
02/2010/HD	01/06/10	Nhà sách Phan Thiết	84 tháng	Thỏa thuận
01/2011/HD	10/06/11	Khu du lịch Đồng Xanh	60 tháng	Thỏa thuận
01/2013/HD	01/08/13	Nhà hàng Trúc Xanh	60 tháng	Thỏa thuận
II. CHI NNHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH GIA LAI				
30/HDTD	01/07/10	Tre Xanh Plaza giai đoạn II	82 tháng	Thỏa thuận
212/HDTD	30/10/12	Tre Xanh Plaza giai đoạn II	82 tháng	Thỏa thuận
10/HĐTD	21/12/2016	Cải tạo Tre Xanh Palza	120 tháng	Thỏa thuận

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**87.999.260.000**	**3.056.845.000**	**3.131.385.893**	**7.184.460.717**	**101.471.951.610**
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	(9.334.823.922	**(9.334.823.922)**
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	140.000.000	(140.000.000)	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(135.000.000)	**(135.000.000)**
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(177.000.000)	**(177.000.000)**
Tăng khác					
Chia cổ tức				(4.399.963.000)	**(4.399.963.000**
Tạm ứng cổ tức				(879.992.600)	(879.992.600)
Số dư cuối kỳ trước	**87.999.260.000**	**3.056.845.000**	**3.371.385.893**	**(7002.326.205)**	**87.425.164.688**
Số dư đầu năm nay	**87.999.260.000**	**3.056.845.000**	**3.371.385.893**	**(7002.326.205)**	**87.425.164.688**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.607.304.239	1.607.304.239
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-			
Trích lập quỹ dự phòng ĐTPT					
Thù lao HĐQT, BKS	-	-			
Tăng khác	-	-		4.674.963.000	4.674.963.000
Giảm khác	-	-	140.000.000		-140.000.000
Chia cổ tức (*)	-	-			
Số dư cuối kỳ này	**87.999.260.000**	**3.056.845.000**	**3.231.385.893**	**(720.058.966)**	**93.567.431.927**

b. Cổ phiếu

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu thường	*8.799.926*	*.799.926*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã lưu hành	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu thường	*8.799.926*	*8.799.926*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu thường	*8.799.926*	*8.799.926*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán sách, văn phòng phẩm,siêu thị,hàng hóa	30.226.983.354	24.433.038.424
- Doanh thu kinh doanh nhà hàng,khách sạn	5.118.560.728	8.422.238.594
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	970.305.427	1.627.934.475
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**36.315.849.509**	**34.483.211.493**

21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước
- Giá vốn bán sách, văn phòng phẩm	*23.827.259.092*	*21.023.573.817*
- Giá vốn kinh doanh nhà hàng,khách sạn	*1.856.625.169*	*4.678.869.966*
- Giá vốn DV		
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	*695.396.326*	*1.134.704.724*
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	**26.379.280.587**	**26.837.148.507**

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	*918.705*	*3.381.591*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*1.740.000.000*	
Lãi từ bán CK đầu tư DH		
Doanh thu hoạt động TC		*90.909.091*
Cộng	**1.740.918.705**	**94.290.682**

23. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	*2.272.321.760*	*2.939.459.401*
Chi phí liên doanh		
Cộng	**2.272.321.760**	**2.939.459.401**

24. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập đánh giá TS góp vốn		
Thu nhập từ thưởng doanh số	*13.085.037*	
Thu nhập khác	*11.204.500*	**2.357.321**
Cộng	**24.289.537**	**2.357.321**

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản		
Chi phí nộp phạt thuế	*23.206.065*	
Chi phí khác		35.055.325
Cộng	**23.206.065**	**35.055.325**

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế quý II

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	*619.657.437*	**(5.038.007.699)**
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng		
Điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm		
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		
- Thuế TNDN truy thu các năm trước		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**619.657.437**	**(5.038.007.699)**

27.Thông tin các bên liên quan

Giao dịch phát sinh trong năm

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Gia Lai	Công ty liên kết		
Mua nguyên vật liệu ,hàng hóa,dịch vụ			
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Gia Lai	Công ty liên kết		
Vay vốn			
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Gia Lai	Công ty liên kết		
Lãi vay vốn			
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Gia Lai	Công ty liên kết		

Số dư tại ngày kết thúc 30/06/2017

Scanned by CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Số dư tại ngày kết thúc 30/06/2017

Phải trả lãi vay	
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Gia Lai	Công ty liên kết

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính quí II năm 2016 kết thúc ngày 30/06/2016 và báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Người lập	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Võ Thị Thu Thủy	Trần Hà Giang	Đặng Thanh Toàn

Gia Lai, ngày tháng năm 2017

Cac thuyết minh kèm theo Từ trang đến trang là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Scanned by CamScanner